

Số: *56* /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *12* tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình phê duyệt quyết toán
dự án hoàn thành năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 31/TTr-STC ngày 05/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (*Chi tiết số liệu theo các biểu kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Căn cứ vào Quyết định này, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Điện Biên, các đơn vị chủ đầu tư và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao Sở Tài chính có trách nhiệm Thông báo cho các đơn vị Chủ đầu tư để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Điện Biên; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT tỉnh ủy b/c);
- TT HĐND - UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
	TỔNG CỘNG	2.353.986.275.113	2.250.065.109.240	2.239.047.202.498	(11.017.906.742)	
	DỰ ÁN NHÓM B	1.576.325.164.964	1.519.717.289.042	1.512.360.137.218	(7.357.151.824)	
1	Hạng mục: Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng thuộc Dự án: Đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng	91.175.302.419	67.565.779.120	67.086.553.685	-479.225.435	
2	Nhà thí nghiệm, thư viện Trường Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Điện Biên (giai đoạn I)	35.000.000.000	34.917.060.000	34.863.198.000	-53.862.000	
3	San nền, giao thông, thoát nước điểm dân cư Khe Chít, khu tái định cư Noong Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ	117.033.000.000	112.713.322.734	111.559.328.334	-1.153.994.400	
4	Đường Chà Tở - Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	372.546.000.000	368.241.356.376	367.736.912.857	-504.443.519	
5	Nâng cấp đường Trại Bò - Sư Lư - Chiềng Sơ và Mường Luân - Luân Giới, huyện Điện Biên Đông	340.000.000.000	337.206.675.293	333.141.292.471	-4.065.382.822	
6	Thủy lợi Xuân Lao, xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng	54.554.000.000	54.227.144.644	54.067.132.000	-160.012.644	
7	San nền, đường giao thông, thoát nước khu TĐC Chi Luông, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	566.016.862.545	544.845.950.875	543.905.719.871	-940.231.004	
	DỰ ÁN NHÓM C	777.661.110.149	730.347.820.198	726.687.065.280	-3.660.754.918	
8	Trụ sở xã Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé	6.700.000.000	6.169.189.000	6.164.747.000	-4.442.000	
9	Trường mầm non Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ	3.560.000.000	3.286.069.000	3.207.751.000	-78.318.000	
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu A thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà	21.000.000.000	19.563.439.333	19.472.411.333	-91.028.000	
11	Nâng cấp, sửa chữa nhà nghiệp vụ và đối ngoại Biên phòng /BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên	1.500.000.000	1.487.996.000	1.468.833.000	-19.163.000	
12	Thủy lợi bản Lò San Chái, xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	1.250.000.000	1.188.059.000	1.171.022.000	-17.037.000	
13	Nước sinh hoạt bản Lò San Chái, xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	1.222.645.149	1.064.386.300	1.049.796.000	-14.590.300	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
14	Sửa chữa cổng chính, tường rào nghĩa trang liệt sĩ Him Lam, tỉnh Điện Biên	1.000.000.000	887.805.000	873.127.000	-14.678.000	
15	Nhà lớp học bán Lò San Chái, xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	1.520.000.000	1.472.955.000	1.472.955.000	0	
16	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban bảo vệ, chăm sóc khỏe cán bộ tỉnh Điện Biên	7.600.000.000	7.425.584.513	7.419.155.000	-6.429.513	
17	Sửa chữa, cải tạo thêm mộ nghĩa trang liệt sĩ Tông Khao, tỉnh Điện Biên	5.144.000.000	4.823.387.000	4.756.958.000	-66.429.000	
18	Nhà làm việc cán bộ, chiến sỹ Trạm kiểm soát biên giới Việt - Lào (Nậm Là), xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	4.700.000.000	4.689.940.000	4.669.660.000	-20.280.000	
19	Xây dựng hệ thống kho và cải tạo sửa chữa nhà ăn, nhà bếp, các hạng mục phụ trợ - Trường Quân sự địa phương, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	5.000.000.000	4.683.202.000	4.661.856.000	-21.346.000	
20	Sân vận động huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	17.800.000.000	16.930.442.000	16.885.685.000	-44.757.000	
21	Sửa chữa cơ sở vật chất Tiểu đoàn huấn luyện cơ động/ BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên	6.000.000.000	5.852.660.000	5.765.536.000	-87.124.000	
22	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Nậm Nèn, huyện Mường Chà	915.650.000	886.954.000	883.344.000	-3.610.000	
23	Xây dựng kho quân khí đồn Biên phòng Nậm Kè/ BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên	500.000.000	493.750.000	485.580.000	-8.170.000	
24	Xây dựng kho quân khí đồn Biên phòng Mường Nhà/ BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên	500.000.000	493.036.000	484.253.000	-8.783.000	
25	Sửa chữa nhà tập thể các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc/ BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên	945.000.000	924.547.000	912.538.000	-12.009.000	
26	Trụ sở xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo	7.300.000.000	6.570.944.000	6.538.264.000	-32.680.000	
27	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng thuộc bản Bó, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo	8.000.000.000	7.160.911.000	7.121.534.000	-39.377.000	
28	Bãi xử lý rác thải trung tâm huyện lỵ và các xã vùng lân cận huyện Mường Nhé	14.534.000.000	11.069.682.192	10.797.478.002	-272.204.190	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
29	Trường mầm non Nậm Kè, huyện Mường Nhé	3.300.000.000	3.199.356.000	3.197.227.000	-2.129.000	
30	Trạm quản lý bảo vệ rừng, theo dõi chất lượng rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng xã Si Pa Phìn, huyện Nậm Pồ	2.500.000.000	2.384.737.000	2.374.426.000	-10.311.000	
31	Trạm y tế xã Sá Tổng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	5.000.000.000	4.910.149.300	4.908.576.300	-1.573.000	
32	Trạm y tế xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	5.200.000.000	5.036.901.400	5.035.214.400	-1.687.000	
33	Trạm y tế xã Chà Tờ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên	5.100.000.000	4.994.766.900	4.993.530.900	-1.236.000	
34	Trụ sở làm việc phòng Văn hóa - Thông tin huyện Tủa Chùa	5.050.000.000	4.540.166.000	4.540.166.000	0	
35	Di chuyển tạm thời khu trung tâm xã Tia Đình, huyện Điện Biên Đông	10.000.000.000	9.512.653.000	9.496.775.000	-15.878.000	
36	Nhà hội trường, nhà ở cảnh vệ trung tâm huấn luyện quân dự bị động viên - Bộ CHQS tỉnh Điện Biên	10.690.000.000	10.656.396.700	10.483.885.800	-172.510.900	
37	Sửa chữa, cải tạo nhà Tiểu đội bảo vệ trụ sở Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	970.000.000	967.315.000	967.315.000	0	
38	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	900.000.000	862.579.000	859.326.000	-3.253.000	
39	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ (nhà D) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.700.000.000	2.653.893.311	2.620.146.311	-33.747.000	
40	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Lao và bệnh phổi và Bệnh viện tâm thần tỉnh Điện Biên	4.000.000.000	3.978.849.497	3.959.018.987	-19.830.510	
41	Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang Tông Khao, tỉnh Điện Biên	12.200.000.000	12.032.363.000	11.898.969.000	-133.394.000	
42	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh trường học trên địa bàn các xã Búng Lao, Mường Lạn, huyện Mường Ảng	1.200.000.000	1.099.798.000	1.096.007.000	-3.791.000	
43	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và bổ sung trang thiết bị trung tâm tiếp đón thân nhân liệt sỹ và điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Điện Biên	3.800.000.000	3.546.139.000	3.292.828.000	-253.311.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
44	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Lao Xá Phình, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	1.170.000.000	1.067.530.000	1.063.329.000	-4.201.000	
45	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông	1.200.000.000	1.175.831.000	1.171.468.000	-4.363.000	
46	Cải tạo, sửa chữa Trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà năm 2020	2.500.000.000	2.438.464.000	2.438.464.000	0	
47	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, công trình thoát nước ĐT.139	600.000.000	580.346.776	574.646.776	-5.700.000	
48	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh trường học trên địa bàn các xã Ảng Tờ, xã Ảng Nưa, huyện Mường Ảng	1.500.000.000	1.245.702.000	1.241.029.000	-4.673.000	
49	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Núa Ngam, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	1.400.000.000	1.377.477.000	1.372.220.000	-5.257.000	
50	Trường mầm non Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	1.300.000.000	1.200.277.000	1.192.612.000	-7.665.000	
51	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT huyện Mường Chà	2.500.000.000	2.442.291.000	2.442.291.000	0	
52	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Sa Dung, huyện Điện Biên Đông thuộc dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	8.600.000.000	6.783.965.000	6.783.965.000	0	
53	Trường PTDTBT THCS Tênh Phong, huyện Tuần Giáo thuộc dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	7.000.000.000	6.438.655.000	6.433.496.000	-5.159.000	
54	Nhà đa năng, nhà ban giám hiệu và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mường Nhà, huyện Điện Biên	7.000.000.000	6.802.131.000	6.786.058.000	-16.073.000	
55	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp hỗn hợp xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	930.857.000	820.776.530	820.776.530	0	
56	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn các trường PTDTBT TH xã Mường Pồn, PTDTBT TH xã Hẹ Muông, PTDTBT THCS xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên	1.700.000.000	1.585.413.000	1.580.020.000	-5.393.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
57	Thao trường huyện Nậm Pồ	3.000.000.000	2.986.096.320	2.986.096.320	0	
58	Trường mầm non Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ	650.000.000	627.740.000	621.925.000	-5.815.000	
59	Đầu tư duy tu, cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn: Trường PTDTBT Tiểu học Rạng Đông, trường PTDTBT THCS Tênh Phong, huyện Tuần Giáo	1.700.000.000	1.491.595.000	1.485.949.000	-5.646.000	
60	Trạm y tế xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông	5.000.000.000	4.921.229.800	4.898.140.800	-23.089.000	
61	Trạm y tế phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	3.500.000.000	3.487.141.400	3.455.759.400	-31.382.000	
62	Trường mầm non Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ	1.300.000.000	1.237.452.000	1.225.059.000	-12.393.000	
63	Trường mầm non Chà Tở, huyện Nậm Pồ	650.000.000	633.008.000	624.091.000	-8.917.000	
64	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Thanh Nưa, huyện Điện Biên	3.300.000.000	2.997.342.000	2.997.342.000	0	
65	Đầu tư cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn trường phổ thông DTBT THCS Mường Nhé huyện Mường Nhé	2.500.000.000	2.437.364.000	2.405.970.000	-31.394.000	
66	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Chiềng Sinh, Quài Tở, huyện Tuần Giáo	1.190.000.000	1.057.593.000	1.050.337.000	-7.256.000	
67	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn trường PTDTBT THCS Mường Toong, huyện Mường Nhé	1.600.000.000	1.555.080.000	1.549.062.000	-6.018.000	
68	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	2.000.000.000	1.913.596.000	1.909.097.000	-4.499.000	
69	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường THPT huyện Tủa Chùa	3.000.000.000	2.966.347.000	2.966.347.000	0	
70	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn Trường PTDTBT THCS xã Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	1.700.000.000	1.592.155.350	1.573.029.350	-19.126.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
71	Đầu tư duy tu, cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn: Trường PTDTBT THCS Tòa Thành, Trường PTDTBT TH Tòa Thành số 1, Trường PTDTBT TH Mường Báng số 1, Trường Tiểu học Mường Đùn số 1, huyện Tòa Chùa	2.650.000.000	2.519.972.500	2.507.941.500	-12.031.000	
72	Trạm y tế xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	5.000.000.000	4.832.156.600	4.825.864.600	-6.292.000	
73	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông	3.500.000.000	3.375.779.000	3.362.331.000	-13.448.000	
74	Trường mầm non thị trấn Tòa Chùa	10.000.000.000	9.227.406.000	9.227.406.000	0	
75	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn Trường PTDTBT THCS Chung Chải, huyện Mường Nhé	1.500.000.000	1.463.649.000	1.458.095.000	-5.554.000	
76	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn Trường PTDTBT THCS: Nà Hỳ, Nà Khoa huyện Nậm Pồ	1.700.000.000	1.657.360.000	1.651.005.000	-6.355.000	
77	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	5.450.000.000	4.632.292.000	4.628.398.000	-3.894.000	
78	Cải tạo, sửa chữa Trường phổ thông DTNT THPT huyện Mường Chà	3.200.000.000	2.936.478.000	2.931.425.000	-5.053.000	
79	Cải tạo, sửa chữa trường THPT Mùn Chung, huyện Tuần Giáo	1.500.000.000	1.466.549.000	1.466.549.000	0	
80	Sửa chữa một số hạng mục Trụ sở làm việc (cơ sở 1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	650.000.000	629.032.000	629.032.000	0	
81	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Huổi Lé, bản Phủ, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	10.500.000.000	10.056.051.000	10.056.051.000	0	
82	Nhà công vụ Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	5.000.000.000	4.962.373.000	4.959.604.000	-2.769.000	
83	Nhà kho quân khí đồn biên phòng cửa khẩu Quốc tế Tây Trang	600.000.000	586.299.000	586.299.000	0	
84	Nhà kho quân khí đồn biên phòng cửa khẩu Huổi Puốc	600.000.000	595.080.000	595.080.000	0	
85	Sửa chữa, bổ sung một số điểm di tích chiến trường Điện Biên Phủ	5.061.000.000	4.663.892.000	4.627.665.500	-36.226.500	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
86	Cấp nước sinh hoạt TTCX Phình Sáng, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	1.134.000.000	879.335.000	879.335.000	0	
87	Cải tạo, nâng cấp nhà công vụ giáo viên Trường phổ thông DTNT THPT huyện Điện Biên Đông	2.000.000.000	1.988.343.900	1.980.763.900	-7.580.000	
88	Trạm y tế thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng	3.949.000.000	3.907.294.100	3.873.919.800	-33.374.300	
89	Trạm y tế xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	4.800.000.000	4.622.634.900	4.618.215.900	-4.419.000	
90	Trạm y tế xã Rạng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	5.200.000.000	5.094.521.200	5.091.870.200	-2.651.000	
91	Thủy lợi Nậm Mỹ, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	5.914.720.000	5.340.746.000	4.950.029.000	-390.717.000	
92	Cải tạo, sửa chữa nhỏ Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo	4.000.000.000	3.875.660.850	3.851.069.000	-24.591.850	
93	Nhà hành lễ khu tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Trần Văn Thọ	2.000.000.000	1.991.518.000	1.991.518.000	0	
94	Cải tạo, sửa chữa các điểm di tích nhằm phục vụ Lễ kỷ niệm 65 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ	5.600.000.000	5.058.995.400	5.048.535.900	-10.459.500	
95	Cầu treo bản Mường Nhé, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	11.000.000.000	10.172.896.962	10.146.035.000	-26.861.962	
96	Sửa chữa các hạng mục còn lại nhà tập thể, nhà làm việc Sở Chỉ huy và các công trình phụ trợ	1.000.000.000	993.101.000	990.937.000	-2.164.000	
97	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	2.208.481.000	1.893.146.000	1.893.146.000	0	
98	Đường Pú Nhung - Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	31.000.000.000	30.770.743.450	30.689.635.450	-81.108.000	
99	Trường mầm non thị trấn Tuần Giáo	8.000.000.000	7.603.570.000	7.557.213.000	-46.357.000	
100	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	1.500.000.000	1.451.287.236	1.451.287.236	0	
101	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT Mường Ảng	2.500.000.000	2.418.477.000	2.418.477.000	0	
102	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường phổ thông DTNT THPT huyện Tủa Chùa	2.500.000.000	2.375.927.000	2.375.927.000	0	
103	Đầu tư xây dựng tuyến đường Phi Nhù - Xa Dung	24.027.000.000	21.456.846.000	21.456.846.000	0	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
104	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên	1.500.000.000	1.479.246.000	1.461.760.000	-17.486.000	
105	Trường mầm non Chà Cang, huyện Nậm Pồ	6.700.000.000	6.240.675.000	6.176.153.000	-64.522.000	
106	Trạm y tế xã Phình Giàng, huyện Điện Biên Đông	5.000.000.000	4.972.480.900	4.950.603.900	-21.877.000	
107	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT Phan Đình Giót	3.500.000.000	3.450.916.000	3.450.916.000	0	
108	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	3.000.000.000	2.658.106.000	2.658.106.000	0	
109	Trụ sở xã Huổi Lếch, huyện Mường Nhé	6.200.000.000	5.927.754.000	5.928.965.000	1.211.000	
110	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng bản Mường Pồn 1,2, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên (giai đoạn II)	9.500.000.000	9.333.564.000	9.300.783.000	-32.781.000	
111	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Búng Lao, huyện Mường Ảng	2.500.000.000	2.368.556.000	2.368.556.000	0	
112	Trường mầm non Mường Toong, huyện Mường Nhé	5.357.000.000	5.233.635.000	5.232.990.000	-645.000	
113	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT huyện Điện Biên	4.000.000.000	3.934.572.000	3.916.045.000	-18.527.000	
114	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường phổ thông DTNT THPT huyện Điện Biên Đông	2.500.000.000	2.477.098.000	2.461.344.000	-15.754.000	
115	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mường Ảng	6.000.000.000	5.339.037.000	5.317.946.000	-21.091.000	
116	Trường mầm non Si Pa Phìn, huyện Nậm Pồ	1.300.000.000	1.215.743.000	1.203.573.000	-12.170.000	
117	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới công trình nước và nhà vệ sinh các Trạm Y tế xã năm 2019, sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh Điện Biên	4.797.757.000	3.811.761.400	3.806.977.400	-4.784.000	
118	Trung tâm hội nghị huyện Điện Biên	32.000.000.000	28.106.193.295	28.106.193.295	0	
119	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Mường Nhà	2.000.000.000	1.971.033.000	1.969.083.000	-1.950.000	
120	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã - Công an của 03 xã: Nà Búng, Nà Cô Sa, Si Pa Phìn huyện Nậm Pồ	3.900.000.000	3.670.727.000	3.669.489.000	-1.238.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
121	Cấp nước sinh hoạt xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	10.100.000.000	8.837.641.000	8.837.641.000	0	
122	Trường THCS xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo	6.500.000.000	5.850.907.000	5.812.711.000	-38.196.000	
123	Trường THPT Lê Quý Đôn, thành phố Điện Biên Phủ	10.000.000.000	9.295.437.000	9.252.668.000	-42.769.000	
124	Sửa chữa đường Mường Khong, bản Huổi Nôm, huyện Tuần Giáo	5.000.000.000	4.685.187.000	4.665.074.000	-20.113.000	
125	Phòng khám đa khoa khu vực Ba Chà, huyện Nậm Pồ	14.300.000.000	13.181.925.400	13.122.434.400	-59.491.000	
126	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Nà Sáy và các bản lân cận huyện Tuần Giáo	5.000.000.000	4.547.373.000	4.547.373.000	0	
127	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn các trường PTDTBT THCS: Hừa Ngải, Mường Mươn, huyện Mường Chà	1.700.000.000	1.615.984.000	1.596.104.000	-19.880.000	
128	Thủy lợi Pờ Nhù Khò, xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé	13.955.000.000	12.737.443.802	12.552.565.802	-184.878.000	
129	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt liên bản xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên	4.000.000.000	3.521.162.340	3.521.860.340	698.000	
130	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn các trường: Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Tả Phìn, Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Lao Xã Phình, huyện Tủa Chùa	1.700.000.000	1.515.710.000	1.508.254.000	-7.456.000	
131	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng thuộc bản Bó, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo (giai đoạn II)	10.000.000.000	9.170.975.000	9.170.975.000	0	
132	Nhà lớp học các trường mầm non Hoa Ban, Quài Nưa, Pú Xi, huyện Tuần Giáo	8.180.000.000	7.768.501.000	7.720.699.000	-47.802.000	
133	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn trường PTDTBT THCS Tân Lập, PTDTBT THCS Phình Giàng, PTDTBT THCS Tia Đình, huyện Điện Biên Đông	2.200.000.000	1.531.849.000	1.485.009.000	-46.840.000	
134	Cấp nước sinh hoạt bản Phủ, huyện Điện Biên	7.600.000.000	6.928.138.000	6.928.138.000	0	
135	Trường mầm non Lao Xã Phình, huyện Tủa Chùa	12.600.000.000	12.123.154.000	12.086.784.000	-36.370.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
136	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Chiềng Đông, Nà Sáy, huyện Tuần Giáo	920.000.000	880.081.000	876.307.000	-3.774.000	
137	Trường PTDTBT THCS Tả Phìn, huyện Tủa Chùa thuộc Dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	7.800.000.000	7.078.427.000	7.078.427.000	0	
138	Trường mầm non Sín Thầu, huyện Mường Nhé	2.300.000.000	2.124.364.000	2.067.787.000	-56.577.000	
139	Nhà ở cán bộ, chiến sĩ Trạm kiểm soát Pa Thơm (Đồn biên phòng 425, Pa Thơm)	3.500.000.000	3.397.292.000	3.391.814.000	-5.478.000	
140	Trường THCS xã Huổi Léch, huyện Mường Nhé	14.990.000.000	13.890.834.749	13.884.917.000	-5.917.749	
141	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Pá Khoang, Mường Phăng, thành phố Điện Biên Phủ	1.850.000.000	1.735.116.000	1.735.116.000	0	
142	Sửa chữa, cải tạo Trạm quản lý bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ xã Huổi Lèng thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà	800.000.000	739.687.000	737.484.000	-2.203.000	
143	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Si Pa Phìn, huyện Nậm Pồ	1.450.000.000	1.414.558.000	1.414.558.000	0	
144	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn các xã Nà Nhạn, Thanh Xương, huyện Điện Biên	1.150.000.000	1.039.695.000	1.039.695.000	0	
145	Cải tạo, nâng cấp kho lý lịch tư pháp và các phòng làm việc Sở Tư pháp	5.500.000.000	5.457.484.030	5.338.139.000	-119.345.030	
146	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở nhà làm việc, cải tạo, sửa chữa cổng, tường rào sân, nhà bảo vệ của Chi cục Phát triển nông thôn	1.350.000.000	1.152.695.028	1.140.186.965	-12.508.063	
147	Đường ngã ba - Huổi Pính, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	10.000.000.000	9.876.917.451	9.876.917.653	202	
148	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn các xã Noong Hệt, Pom Lót, huyện Điện Biên	2.250.000.000	2.092.762.000	2.092.638.000	-124.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
149	Cấp nước sinh hoạt bản Húi To 1 và Húi To 2	2.806.000.000	2.788.773.800	2.778.111.000	-10.662.800	
150	Nhà lớp học các Trường PTDTBT tiểu học: Pa Tản, Na Cô Sa, Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	9.580.000.000	9.536.201.000	9.481.112.000	-55.089.000	
151	Trường dân tộc nội trú THCS Sín Thầu, huyện Mường Nhé	5.000.000.000	4.952.244.000	4.908.224.000	-44.020.000	
152	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: Phìn Hồ, Tân Phong, Chà Nưa, Chà Tở và Trường tiểu học số 1 Si Pa Phìn, huyện Nậm Pồ	8.670.000.000	8.567.702.000	8.522.075.000	-45.627.000	
153	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học Nà Hỳ 1, Nà Hỳ 2, huyện Nậm Pồ	6.000.000.000	5.875.863.000	5.837.553.000	-38.310.000	
154	Đường vào bản Lò San Chái, xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	14.969.000.000	14.757.393.344	14.679.568.391	-77.824.953	
155	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồng Sặt, xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	9.000.000.000	8.939.669.000	8.939.669.000	0	
156	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 (giai đoạn II)	7.000.000.000	6.748.970.939	6.737.548.939	-11.422.000	
157	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT huyện Mường Nhé	2.500.000.000	2.448.374.000	2.448.374.000	0	
158	Cải tạo, sửa chữa nhà thực hành cho sinh viên lão của Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Điện Biên để bố trí các phòng làm việc của 03 cơ quan đơn vị gồm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em	850.000.000	768.096.000	767.656.000	-440.000	
159	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Sái Lương, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	10.500.000.000	10.441.917.000	10.436.227.000	-5.690.000	
160	Sửa chữa khán đài sân chào cờ tiểu đoàn bộ binh 1 Trung đoàn 741	500.000.000	500.000.000	500.000.000	0	
161	Cải tạo, sửa chữa tường bao Trường THPT Mường Nhà, huyện Điện Biên	800.000.000	777.204.000	777.204.000	0	